

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang; như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Công văn số 11315/BTC-QLCS ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc triển khai Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ, trong đó Bộ Tài chính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công, gồm: mua sắm tài sản công, mua sắm vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Căn cứ Công văn số 133/HĐND-TT ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến về kết quả kiểm tra đối với Nghị quyết số

04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp, trong đó Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến: “... *Thống nhất nội dung kết quả kiểm tra bước đầu của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang... Ủy ban nhân dân tỉnh sớm trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND phù hợp với quy định pháp luật...*”.

Tại Phụ lục II.2 nhóm văn bản quy định về chủ thể nhận phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công có nội dung chưa phù hợp kèm theo Giấy mời số 742/GM-KTrVB ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp; trong đó, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp có ý kiến đối với nội dung chưa phù hợp tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang: “... *II.1. Chủ thể nhận phân cấp là cá nhân ngoài trường hợp đặc thù đã được xác định cụ thể tại Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. - Phân cấp thẩm quyền cho chủ thể là cá nhân: Thu hồi (Điều 6); điều chuyển tài sản (Điều 7 đối với Chủ tịch UBND cấp xã); tiêu hủy (Điều 10); xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (Điều 11); Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án (Điều 12). - Phân cấp thẩm quyền cho chủ thể là cá nhân (ngoài các trường hợp đặc thù): mua sắm, điều chuyển, thanh lý tài sản đối với Chủ tịch UBND cấp xã (điểm b khoản 2 Điều 4, khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 9)*”.

2.2. Căn cứ Thông báo số 87-TB/BCSD ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 20 tháng 7 năm 2022; trong đó tại nội dung số 4: “... *giao Sở Tài chính rà soát, tham mưu đề xuất điều chỉnh Nghị quyết số 04/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh phù hợp tình hình thực tế và đúng quy định hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương...*”.

2.3. Căn cứ Công văn số 200/HĐND-TT ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với Tờ trình số 917/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2.4. Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 7, khoản 9, khoản 12, khoản 14, khoản 16, khoản 20, khoản 24, khoản 25, khoản 37, khoản 56 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định:

“2. *Sửa đổi Điều 3 như sau:*

“Điều 3. Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. *Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.*

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương) quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”.**

3. Bổ sung Điều 3a như sau:

“Điều 3a. Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định thẩm quyền quyết định mua vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.**

4. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.**

7. Bổ sung Điều 10b như sau:

“Điều 10b. Khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước

b2) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

9. Sửa đổi Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định thẩm quyền quyết định thu hồi đối với tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”

12. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được quy định như sau:

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

14. Sửa đổi khoản 2 Điều 22 như sau:

“Điều 22. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

d) Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán đối với:

Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định;

Tài sản công không phải là tài sản cố định.”

16. Bổ sung khoản 1a, sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 24 như sau:

Điều 24. Bán tài sản công theo hình thức đấu giá

a5) Trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thành lập Hội đồng thẩm định giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định giá trị tài sản gắn liền với đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản để làm căn cứ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô theo tỷ lệ diện tích của từng lô trên tổng diện tích của tất cả các lô.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trực tiếp làm việc của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan

trung ương, địa phương.

20. *Sửa đổi Điều 28 như sau:*

“Điều 28. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. *Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.*

2. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.*

24. *Sửa đổi Điều 32 như sau:*

“Điều 32. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. *Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.*

2. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.*

25. *Sửa đổi Điều 34 như sau:*

“Điều 34. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

2. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.*

37. *Bổ sung Điều 41c như sau:*

“Điều 41c. Khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

b2) *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm b3 khoản này;*

b3) *Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.*

56. *Sửa đổi Điều 92 như sau:*

“Điều 92. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

2. *Đối với dự án thuộc địa phương quản lý:*

b) *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi*

quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”.

Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.”

Do đó, để kịp thời sửa đổi nội dung chưa phù hợp tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp; đồng thời quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ thì việc ban hành **Nghị quyết ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang** (thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh) là cần thiết, phù hợp với quy định và thực tiễn tại địa phương và thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

1.1. Việc quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

1.2. Căn cứ Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang. Theo đó, phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công theo loại tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản; tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các cơ quan, tổ chức, đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc khi xác định giá trị tài sản khác theo 01 đơn vị tài sản (do cách hiểu khác nhau về 01 đơn vị tài sản tính trên đơn giá hay thành tiền của loại tài sản công) để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời, qua rà

soát các quy định hiện hành cũng chưa có quy định cụ thể hạn mức đối với tài sản khác để quy định thẩm quyền quyết định tài sản. Nhằm đảm bảo kịp thời và tăng tính chủ động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công phù hợp với chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền, tạo tính chủ động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trong quản lý, sử dụng tài sản công; giảm bớt áp lực cho cấp tỉnh, đảm bảo thời gian khi thực hiện. Do đó, trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND, khắc phục những tồn tại hạn chế theo ý kiến kết luận của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp và khắc phục những vướng mắc trong thực hiện thực tiễn tại địa phương; góp phần thực hiện tốt trong công tác quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh nên đề xuất quy định thẩm quyền quyết định theo loại tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của Chính phủ ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và đối với hạn mức quy định thẩm quyền quyết định đối với tài sản khác là gói thầu, nội dung có giá trị không quá 05 tỷ đồng (đề xuất áp dụng theo gói thầu chào hàng cạnh tranh không quá 05 tỷ đồng theo quy định tại Điều 24 Luật Đấu thầu) và không quá 200 triệu đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

2. Quan điểm xây dựng dự án, dự thảo văn bản

Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế tại địa phương; cụ thể:

2.1. Thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, bổ sung quy định Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2.2. Có tính kế thừa và rà soát những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện những nội dung phân cấp tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang; khắc phục những hạn chế theo kết luận của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp và đảm bảo phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công, gồm: mua sắm tài sản công, mua sắm vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn

liên với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (sau đây gọi là cơ quan).

- Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (sau đây gọi là tổ chức).

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (sau đây gọi là đơn vị).

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; trong đó, *“Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, Ban ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2024”*.

2. Căn cứ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi xin ý kiến đóng góp theo quy định; cụ thể như sau:

2.1. Các cơ sở để xây dựng dự thảo Nghị quyết:

- Căn cứ quy định thẩm quyền phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, kế thừa các nội dung phù hợp và rà soát các vướng mắc trong thực tiễn thực hiện theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh An Giang).

- Căn cứ Thông báo số 87-TB/BCSD ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 20 tháng 7 năm 2022.

- Căn cứ ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp về những hạn chế trong phân cấp thẩm quyền tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy

định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

- Căn cứ Công văn số 252/HĐND-TT ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với đề xuất của UBND tỉnh tại Tờ trình số 1208/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc xây dựng Nghị quyết ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

2.2. Để đảm bảo trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Công văn số 1212/UBND-NC ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài chính đã có Công văn số 3669/STC-GCS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan tham gia đóng góp ý kiến cho dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

- Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn văn dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

- Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức, đơn vị) tham gia đóng góp ý kiến dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn lấy ý kiến tại Công văn của Sở Tài chính.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia đóng góp ý kiến dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bằng văn bản. Sau khi hết thời gian lấy ý kiến tại Công văn của Sở Tài chính, các cơ quan, tổ chức, đơn vị không có ý kiến xem như thống nhất dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Toàn bộ nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (<http://www.angiang.gov.vn>) và Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính (<http://sotaichinh.angiang.gov.vn>).

3. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Sở Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình; hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 3696/STC-GCS ngày 10 tháng 12 năm 2024 (*Chi tiết theo Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

4. Ngày 10 tháng 12 năm 2024, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 432/STP-XDKT&TDTHPL về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân

dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Sở Tài chính tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (*Chi tiết theo Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định*) và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua ý kiến của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 11 tháng 12 năm 2024, trình Ban Cán sự Đảng có ý kiến thông qua tại cuộc họp ngày 11 tháng 12 năm 2024 và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được kết cấu thành 02 Điều; Quy định đính kèm Nghị quyết được kết cấu thành 14 Điều; Nội dung ban hành gián tiếp trong Quy định đính kèm Nghị quyết theo mẫu số 17 kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

2.1. Dự thảo Nghị quyết

- a) Điều 1. Ban hành Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang
- b) Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2.2. Quy định

- a) **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.
- b) **Điều 2.** Đối tượng áp dụng.
- c) **Điều 3.** Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công.
- d) **Điều 4.** Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- đ) **Điều 5.** Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công.
- e) **Điều 6.** Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công.
- g) **Điều 7.** Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công.
- h) **Điều 8.** Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công.
- i) **Điều 9.** Thẩm quyền quyết định bán tài sản công.
- k) **Điều 10.** Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công.
- l) **Điều 11.** Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công.
- m) **Điều 12.** Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
- n) **Điều 13.** Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý.
- o) **Điều 14.** Xử lý chuyển tiếp

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN (NẾU CÓ)

1. Dự kiến về nguồn lực thi hành Nghị quyết:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Việc ban hành Nghị quyết không làm tăng biên chế, không tạo ra yêu cầu bổ sung nguồn nhân lực cho bộ máy.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết:

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định hiện hành.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

1. Hạn mức quy định thẩm quyền quyết định mua sắm; thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Tham khảo quy định tại Điều 24 Luật Đấu thầu năm 2023 gói thầu chào hàng cạnh tranh không quá 05 tỷ đồng là những gói thầu thông dụng, đơn giản; theo điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm không quá 200 triệu đồng.

Do đó, đề xuất hạn mức Ủy ban nhân dân tỉnh từ 5 tỷ đồng trở lên; các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Ủy ban nhân dân cấp huyện từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng do tính chất công việc thông dụng, đơn giản; các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại không quá 200 triệu đồng.

2. Quy định thẩm quyền chung

Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP đã sửa đổi thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (thẩm quyền riêng) thành Ủy ban nhân dân (thẩm quyền chung), cụ thể:

“1. Thay thế các cụm từ:

a) Cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 8.

b) Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các cấp” tại điểm b khoản 3 Điều 121, điểm b khoản 4 Điều 122, điểm b khoản 4 Điều 123.”

Do đó, đề xuất quy định thẩm quyền quyết định tại Ủy ban nhân dân là thẩm quyền chung là Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán nhà, đất, công trình gắn liền với đất:

Theo khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP, thẩm quyền quyết định phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (thu hồi, điều chuyển, bán) là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Theo khoản 9 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP, thẩm quyền ban hành

quyết định thu hồi nhà, đất là Ủy ban nhân dân tỉnh.

Như vậy thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán nhà, đất, công trình gắn liền với đất thuộc chính quyền địa phương ở tỉnh. Do đó, đề xuất thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán nhà, đất, công trình gắn liền với đất là Ủy ban nhân dân tỉnh (thẩm quyền chung để đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo VP, Phòng TH;
- Lưu: VT, Phòng KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



★ **Lê Văn Phước**